

Số: 22/2026/QĐST-DS

Thành phố H, ngày 21 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 258/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Ngân hàng N (A1);

Địa chỉ trụ sở chính: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tuấn T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh P (theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

*Người được ông Nguyễn Tuấn T ủy quyền lại* (Theo Giấy ủy quyền số 444/UQ-NHNo-PV ngày 28/8/2025): Ông Nguyễn Thế A, chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Phòng G trực thuộc Ngân hàng A1 chi nhánh P.

**Bị đơn:**

- Ông Hà Văn T1, sinh năm 1981; CMND: 191696810; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố H.

- Bà Trần Thị M, sinh năm 1991; CCCD: 046191013829; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố H.

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

### **2.1. Về số nợ gốc và nợ lãi:**

Bị đơn - ông Hà Văn T1 và bà Trần Thị M công nhận còn nợ Ngân hàng N (A1) tổng số tiền phát sinh từ Hợp đồng tín dụng (Dùng cho khách hàng cá nhân) số 4006LAV201701935 ký kết ngày 13/9/2017; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 116 ngày 15/01/2018; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 4006-LAV-201701935/PLHĐ ngày 28/3/2018; Phụ lục Hợp đồng tín dụng (áp dụng đối với khách hàng là cá nhân) số 4006-LAV-201701935/PLHĐ ký kết ngày 01/12/2018; tính đến ngày 13/01/2026 là 9.897.862.403 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm lẻ ba đồng), trong đó nợ gốc: 7.040.000.000 đồng và nợ lãi: 2.857.862.403 đồng.

### **2.2. Về thời hạn và phương thức thanh toán:**

Các đương sự thống nhất vào ngày 28/01/2026, ông Hà Văn T1 và bà Trần Thị M sẽ thanh toán cho Ngân hàng N (A1) tổng số tiền là 9.897.862.403 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm lẻ ba đồng), trong đó nợ gốc: 7.040.000.000 đồng và nợ lãi: 2.857.862.403 đồng.

Ông Hà Văn T1 và bà Trần Thị M phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn đã cam kết, thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (dùng cho khách hàng cá nhân) số 4006LAV201701935 ký kết ngày 13/9/2017; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 116 ngày 15/01/2018; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 4006-LAV-201701935/PLHĐ ngày 28/3/2018; Phụ lục Hợp đồng tín dụng (áp dụng đối với khách hàng là cá nhân) số 4006-LAV-201701935/PLHĐ ký kết ngày 01/12/2018 số nợ gốc thực tế kể từ ngày 14/01/2026 cho đến khi thi hành xong khoản nợ vay theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Hà Văn T1 và bà Trần Thị M không trả được nợ, Ngân hàng N (A1) có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nợ vay của ông bà tại Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 05/HĐTC-HTTL ngày 06/9/2017; Hợp đồng sửa, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số: 810/HĐTC ngày 28/3/2018 ký kết giữa Ngân hàng A1 chi nhánh P và bên thế chấp là ông Hà Văn T1 và bà Trần Thị M là: 01 (Một) tàu cá vỏ gỗ công suất máy 700 CV, chất lượng đóng mới 100%, vật liệu vỏ gỗ, tổng dung tích: 87.34, chiều dài lớn nhất  $L_{max} = 22.50m$ , chiều dài thiết kế  $L_{tk} = 19.45m$ , chiều rộng lớn nhất  $B_{max} = 6.50m$ , chiều rộng thiết kế  $B_{tk} = 6.26m$ , chiều cao mạn  $D = 2.60m$ , chiều chìm trung bình  $d = 1.80m$ , máy chính CUMMINS KTA19 – M4, nơi chế tạo: Mỹ, công suất máy chính  $Ne\ 700\ CV/2100v,ph$ ; trọng tải toàn

phần 153 tấn và toàn bộ máy chính, ngư lưới cụ, trang thiết bị trên tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số: TTH-90666-TS do Chi cục Thủy sản tỉnh T (nay là thành phố H) cấp ngày 08/9/2017 đứng tên ông Hà Văn T1.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo của ông Hà Văn T1 và bà Trần Thị M không đủ trả nợ cho Ngân hàng N (A1) thì ông Hà Văn T1 và bà Trần Thị M phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng A1 cho đến khi hết nợ; Ngân hàng A1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của ông Hà Văn T1 và bà Trần Thị M để thu hồi nợ vay theo quy định của pháp luật.

### **3. Về án phí:**

Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hòa giải nên bị đơn ông Hà Văn T1 và bà Trần Thị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí là:  $[112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \times 5.897.862.403 \text{ đồng})] / 2 = 58.948.931 \text{ đồng}$  (Làm tròn là 58.949.000 đồng).

Trả lại cho Ngân hàng N (A1) số tiền tạm ứng án phí 58.840.000 đồng (Bằng chữ Năm mươi tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) tại biên lai số 0000751 ngày 22/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố H.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng), các bên đương sự thỏa thuận ông Hà Văn T1 và bà Trần Thị M phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng N (A1) đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông Hà Văn T1 và bà Trần Thị M phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng N (A1) số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố H;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- THADS thành phố H;
- Phòng THADS khu vực 1 – Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thúy Hồng**